CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings

Ngày 30/06/2025	5,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**-7.2%**	**-**

DT thuần
Q2/25
327
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 104| 46.6%
YoY: ▼97.0| -22.9%

LN thuần
Q2/25
3.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.82| 34.8%
YoY: ▲ 1.82| 134%

LN sau thuế
Q2/25
1.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.14| -11.3%
YoY: ▲ 0.35| 45.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.4%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q2/25
1.1%
YoY: +/-▲ 0.1%

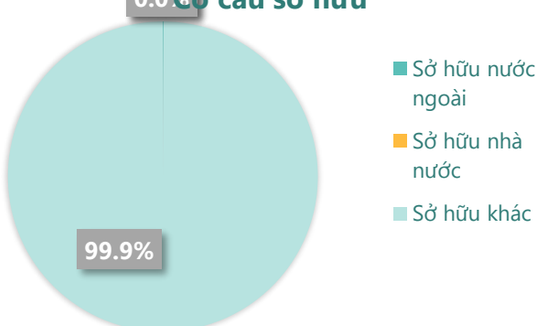
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,600 - 6,169
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	256
Số lượng CPLH (CP)	50,681,927
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,835
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.80
EPS	141
P/E	35.7

DT thuần
6T 2025
550
tỷ VNĐ
YoY: ▼77.0| -12.3%

LN thuần
6T 2025
5.54
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.89| 109%

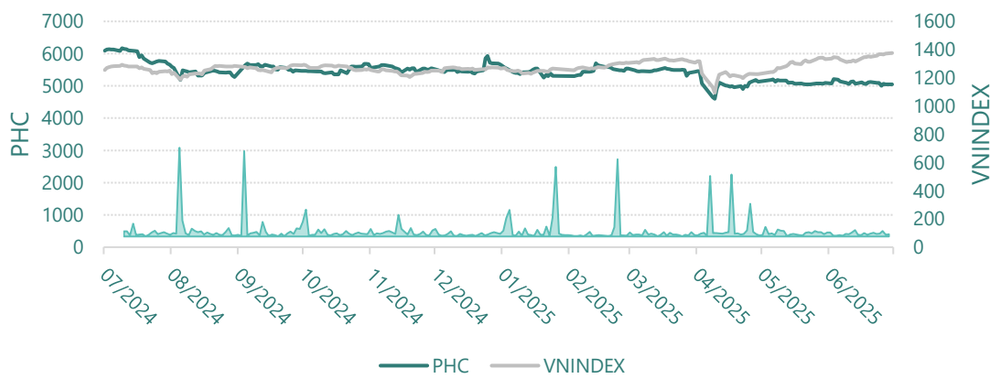
LN sau thuế
6T 2025
2.38
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.69| 40.7%

Cơ cấu sở hữu

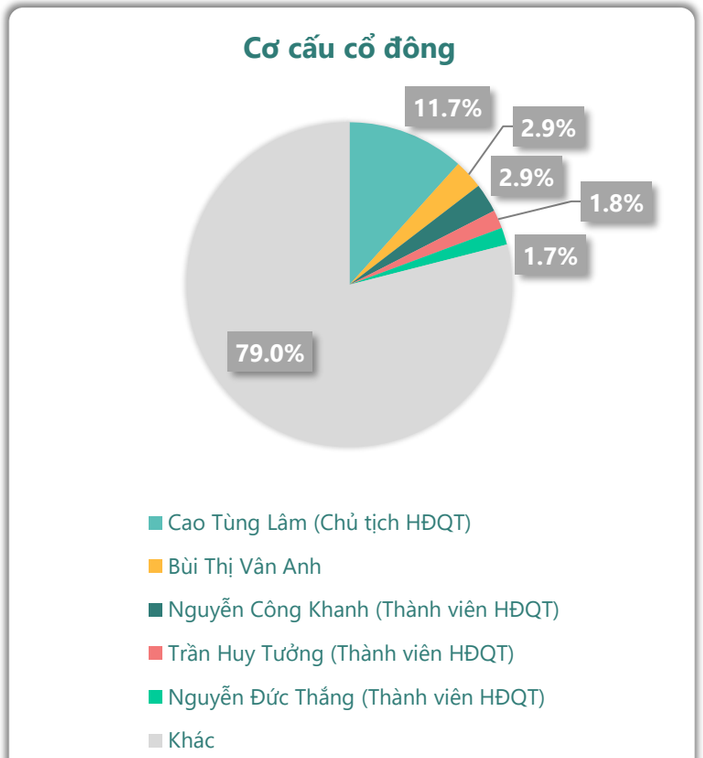


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



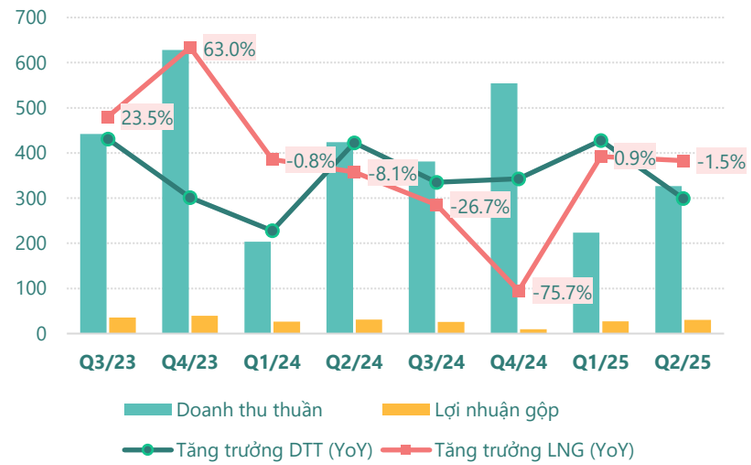
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

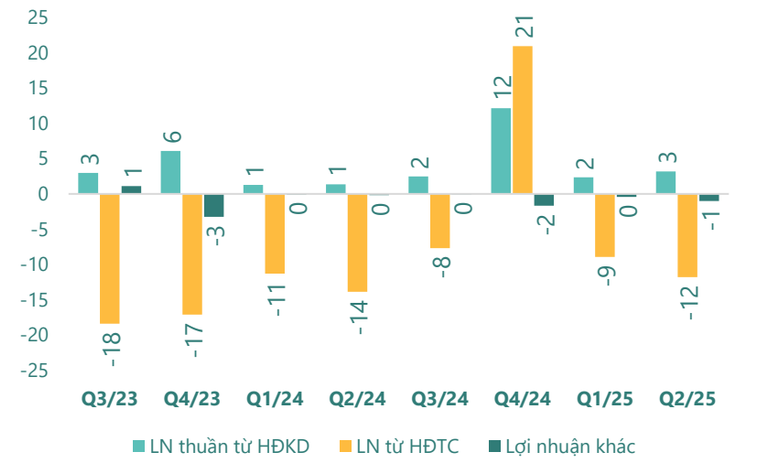
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



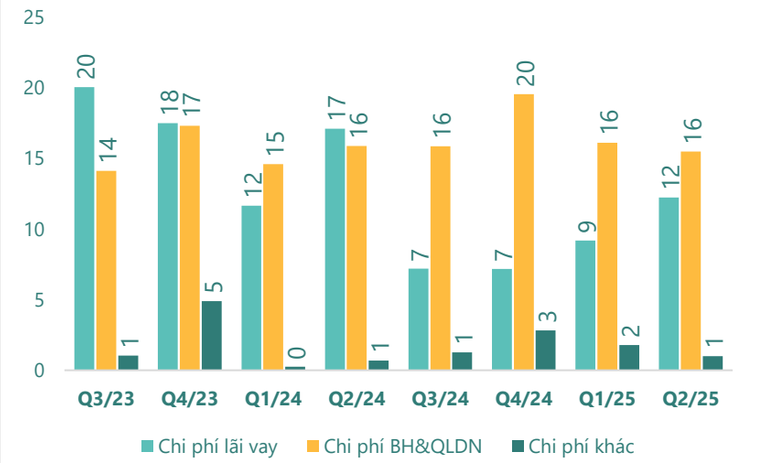
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



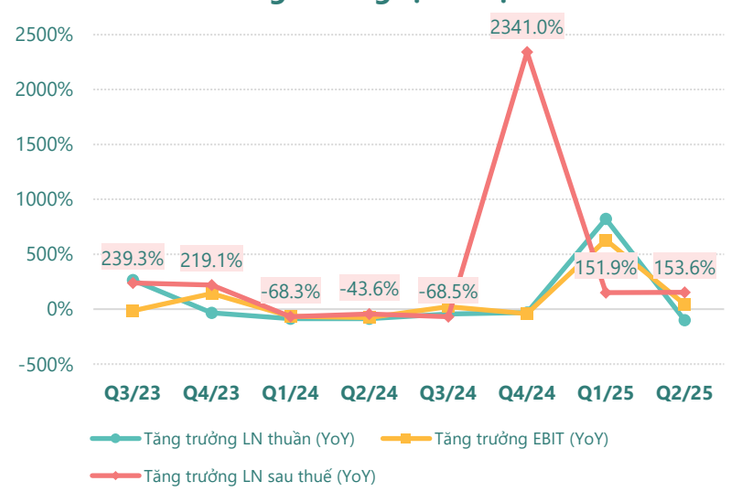
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



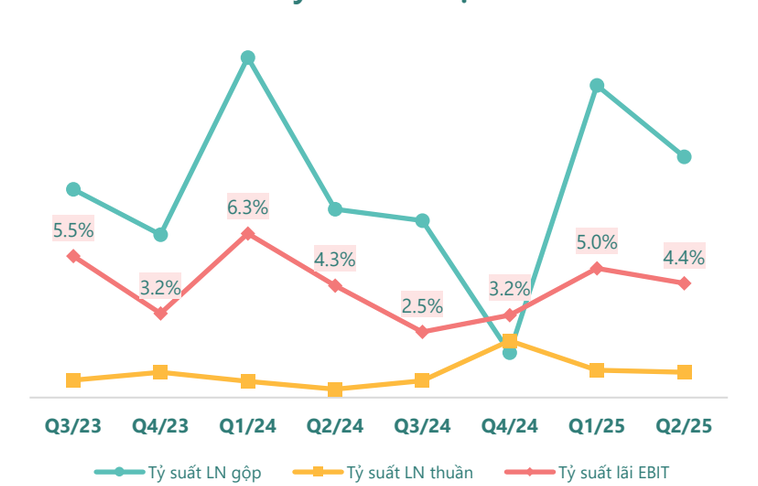
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



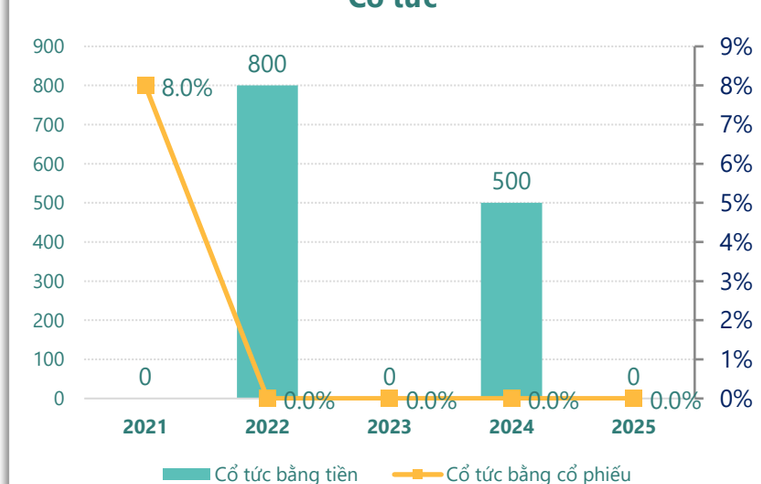
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

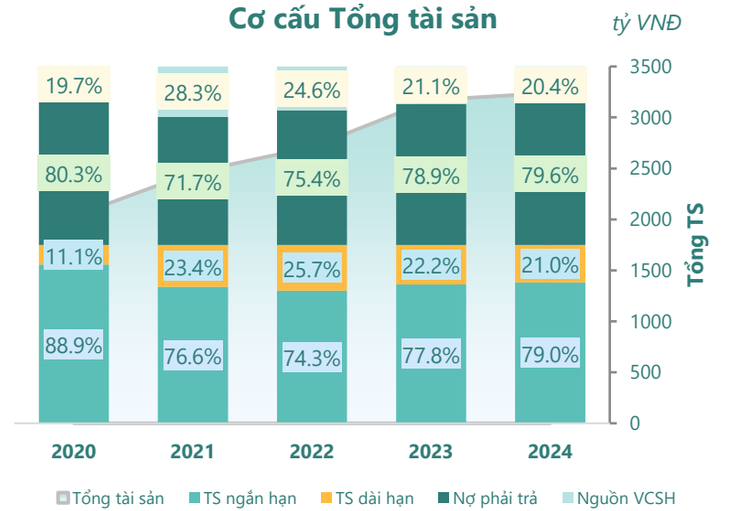
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

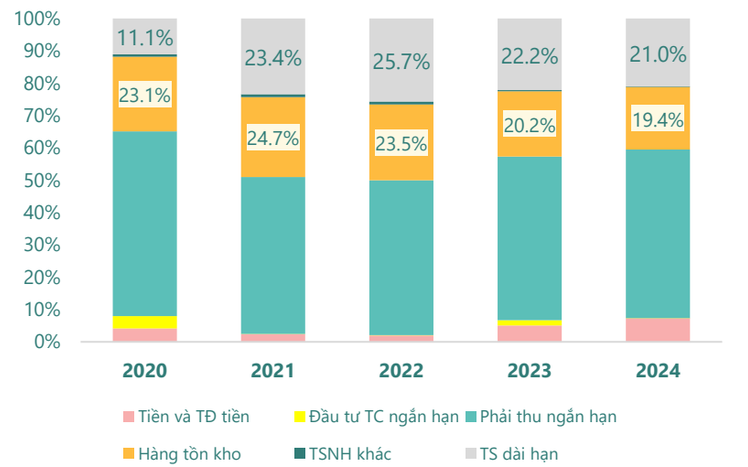
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



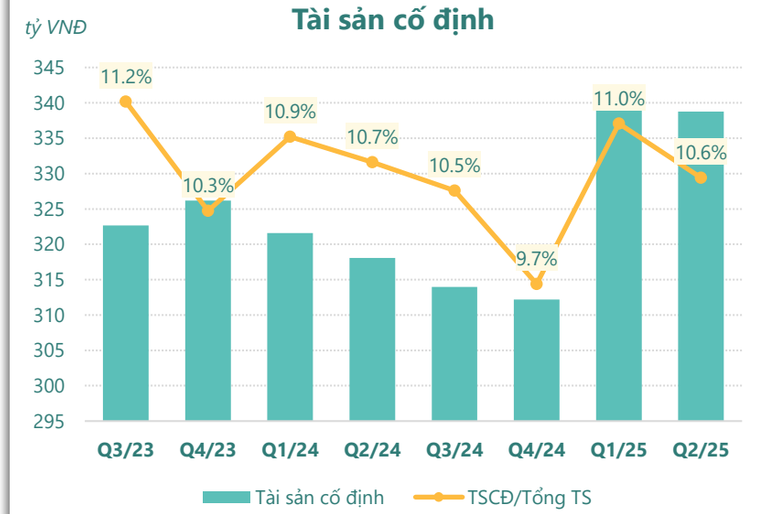
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



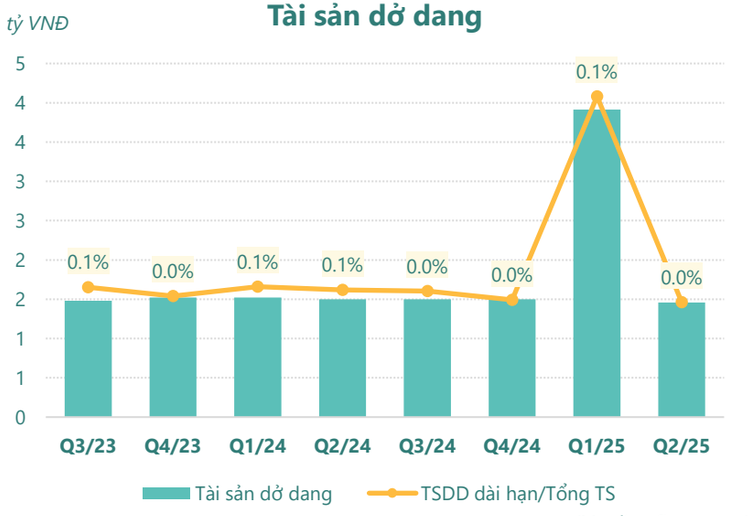
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



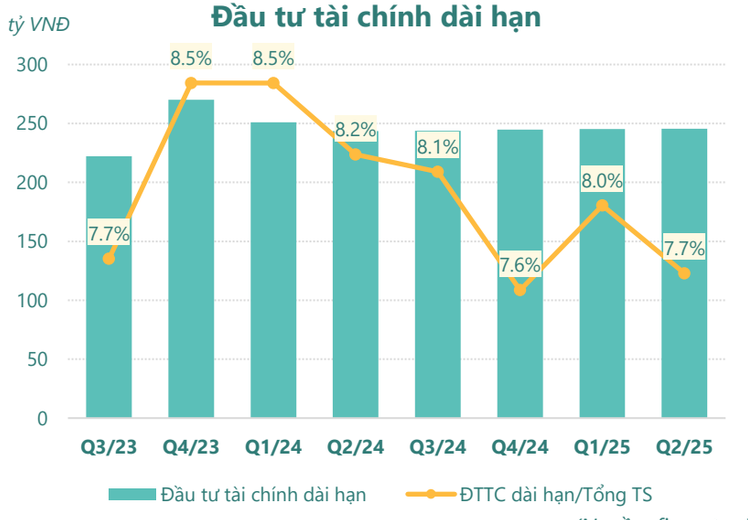
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



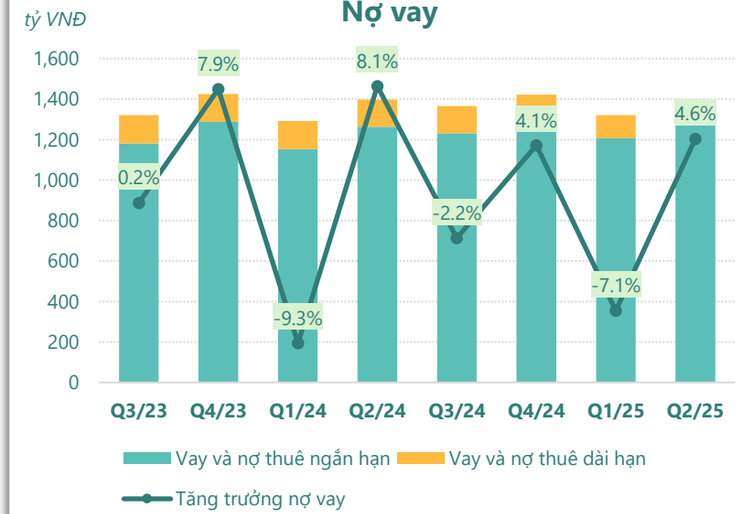
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

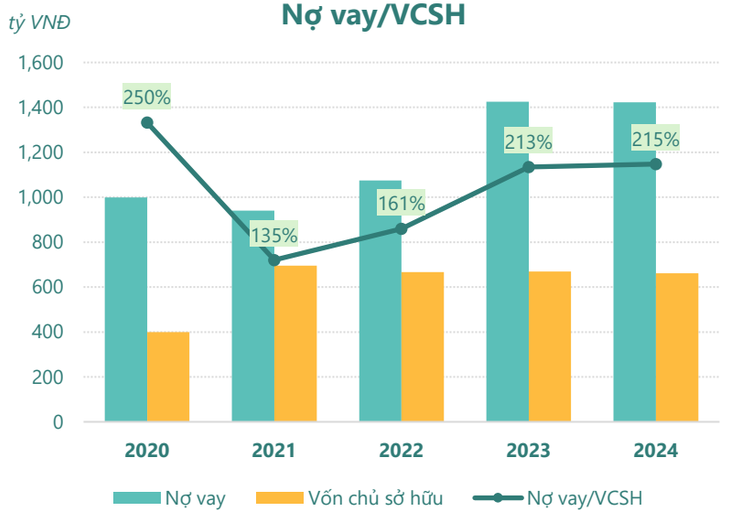
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



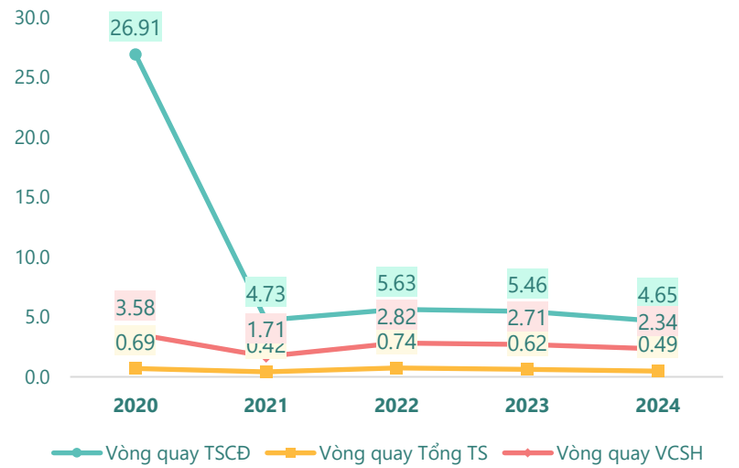
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



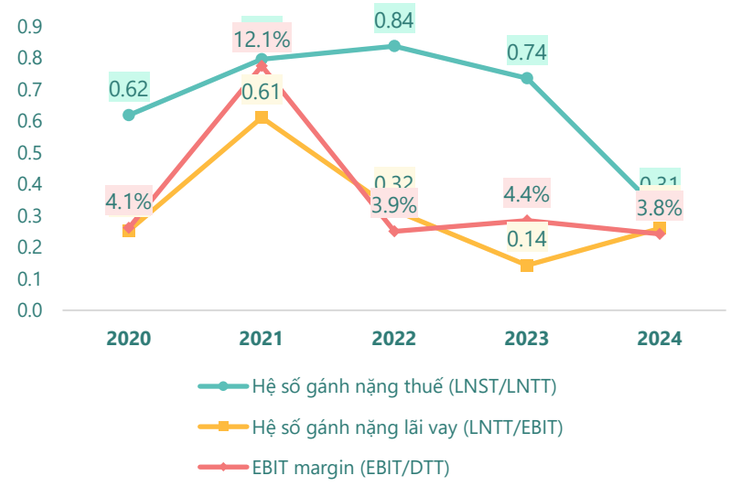
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



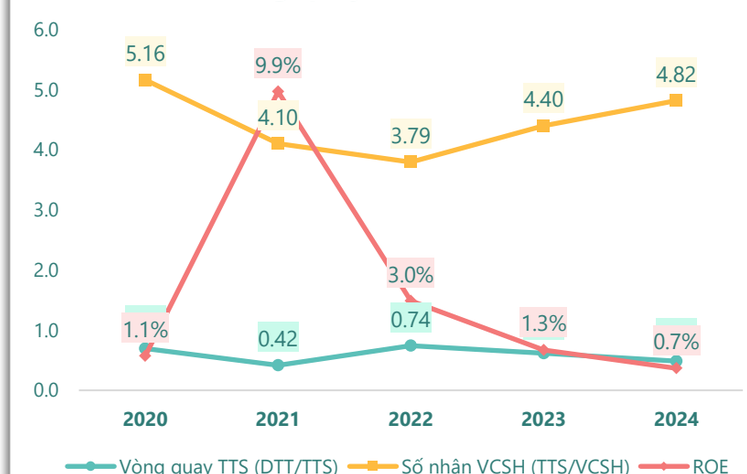
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



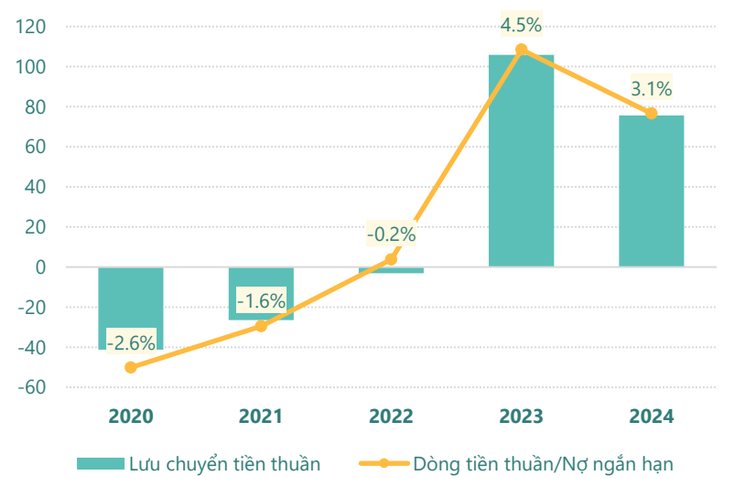
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**327**	**424**	**-22.9%**	**550**	**627**	**-12.3%**
Giá vốn hàng bán	297	393	-24.5%	493	570	-13.5%
Lợi nhuận gộp	30.4	30.8	-1.4%	57.3	57.5	-0.4%
Doanh thu HĐTC	0.67	3.52	-80.9%	1.23	4.10	-70.0%
Chi phí TC	12.5	17.4	-28.4%	22.0	29.3	-25.0%
Chi phí lãi vay	12.2	17.1	-28.4%	21.4	28.8	-25.5%
LN trong công ty LKLD	**0.10**	**0.30**	**-65.4%**	**0.63**	**0.84**	**-24.8%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**15.5**	**15.9**	**-2.5%**	**31.6**	**30.5**	**3.7%**
LN thuần từ HĐKD	3.18	1.36	134%	5.54	2.65	109%
Lợi nhuận khác	**-1.01**	**-0.17**	**-494%**	**-1.43**	**-0.27**	**-427%**
LN trước thuế	2.17	1.19	82.6%	4.12	2.38	73.2%
Lợi nhuận sau thuế	**1.12**	**0.77**	**45.1%**	**2.38**	**1.69**	**40.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.72**	**1.21**	**41.8%**	**3.41**	**2.22**	**53.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-63.1	-77.1	-25.2	159	-86.8	-28.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	70.2	0.32	2.62	0.37	-10.7	-34.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-133	114	-30.0	58.0	-101	60.2
Tiền đầu kỳ	161	34.7	71.5	18.9	236	37.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-126**	**36.8**	**-52.6**	**217**	**-199**	**-3.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.7	71.5	18.9	236	37.8	34.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,206**	**3,240**	**-1.0%**
Tài sản ngắn hạn	2,516	2,560	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	34.5	236	-85.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.9	2.00	444%
Phải thu ngắn hạn	1,693	1,689	0.2%
Hàng tồn kho	765	628	21.8%
Tài sản ngắn hạn khác	12.8	4.92	160%
Tài sản dài hạn	**691**	**681**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	0.29	0.85	-65.7%
Tài sản cố định	339	344	-1.6%
Bất động sản đầu tư	88.1	67.0	31.5%
Tài sản dở dang	1.46	1.46	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	245	245	0.3%
Tài sản dài hạn khác	**12.1**	**17.3**	**-30.0%**
Lợi thế thương mại	4.52	4.76	-5.0%
Nợ phải trả	2,543	2,579	-1.4%
Nợ ngắn hạn	**2,432**	**2,459**	**-1.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,271	1,303	-2.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	652	761	-14.3%
Nợ dài hạn	111	120	-7.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	110	120	-7.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**664**	**661**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**664**	**661**	**0.4%**
Vốn điều lệ	507	507	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)